

*

Số 101 -NQ/ĐU

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành các mảng công tác đến người học, viên chức, người lao động của Nhà trường

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI; Quy định số 97-QĐ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2004 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp;

- Căn cứ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Đại học Huế lần thứ 6, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Căn cứ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Khóa XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Đảng ủy Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế ban hành Nghị quyết về ***“Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành các mảng công tác đến người học, viên chức lao động của Nhà trường” (chương trình 02)***

I. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2015-2021

1. Đánh giá chung

- Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, thủ tục hành chính, quản trị cơ sở vật chất, tài chính, công tác sinh viên, và truyền thông.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin đã nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường, giải quyết các thủ tục hành chính thuận lợi và kịp thời hơn, quản lý cơ sở dữ liệu tốt hơn, truyền thông thương hiệu nhà trường hiệu quả hơn, hỗ trợ tốt hơn cho công tác tuyển sinh, kết nối với các đối tác bên ngoài.

- Các dự án hợp tác quốc tế như ACCCU, POHE, ENHANCE, REACT, ERASMUS+, SFARM cũng đã góp phần bổ sung cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin cho Nhà trường.

- Nhà trường cũng đã rất kịp thời đưa vào sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến và phát triển nguồn tài nguyên số trong bối cảnh dịch COVID-19 để việc dạy và học không bị gián đoạn.

2. Kết quả cụ thể

Trong giai đoạn 2015-2021, Nhà trường đã triển khai xây dựng được hệ thống công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng nhu cầu trong quản lý, điều hành từ cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đến các phần mềm và nền tảng mạng xã hội. Kết quả cụ thể như sau:

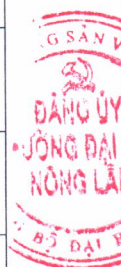
Bảng 1. Tổng hợp hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của trường

STT	Tên trang thiết bị CNTT	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Hệ thống các máy chủ	Bộ	12
2.	Cáp quang mạng LAN	mét	3.000
3.	Thiết bị chuyển mạch switch Cisco cho mạng LAN	Bộ	13
4.	Thiết bị chuyển mạch switch Cisco cho mạng trung tâm	Bộ	03
5.	Thiết bị kết nối, định tuyến Router Internet	Bộ	01
6.	Thuê bao Internet cáp quang	Đường	04
7.	Bộ phát wifi (Accesspoint) công suất lớn > 50 users	Bộ	15
8.	Bộ lưu điện UPS chuyên dụng cho máy chủ server 16KVA APC LX 16000	Bộ	01
9.	Hệ thống Báo cháy HOCHIKI phòng máy chủ: Báo cháy bằng cảm biến khói, chuông, đèn	Bộ	01
10.	Hệ thống chống sét phòng máy: Dẫn sét an toàn bằng cáp thoát sét chống nhiễu; Tản nhanh năng lượng sét vào hệ thống đất có tổng trở thấp; Chống sét lan truyền theo đường cáp nguồn.chủ	Bộ	01
11.	Máy lạnh cho phòng máy chủ	Bộ	02

Bảng 2. Tổng hợp các phần mềm ứng dụng trong quản lý, điều hành

STT	Tên phần mềm	Chức năng chính của phần mềm
I.	Công tác đào tạo và quản lý sinh viên, tuyển sinh	
	https://qlgd.huaf.edu.vn	Các Phân hệ của Phần mềm

		QLGD: Quản lý sinh viên, Chương trình đào tạo, Kế hoạch học tập, Quản lý phòng học, Quản lý thời khoá biểu, Đăng ký học phần, Tổ chức thi, Quản lý điểm, Học bổng và Xét tốt nghiệp.
II.	Công tác Tổ chức hành chính và Cơ sở vật chất	
	https://qlgd.huaf.edu.vn	Phân hệ Quản lý cán bộ, nhân sự của Phần mềm QLGD
	http://bhyt.huaf.edu.vn	Phần mềm Quản lý bảo hiểm y tế sinh viên
III.	Công tác kế hoạch tài chính	
	https://qlgd.huaf.edu.vn	Phân hệ Quản lý học phí của Phần mềm QLGD.
	https://tncn.huaf.edu.vn	Phần mềm Quản lý thuế thu nhập cá nhân.
	http://thuhocphi.huaf.edu.vn	Phần mềm Thu học phí sinh viên đầu khoá
	Quản lý kinh phí khoán các khoa, phòng, theo dõi tình ứng kinh phí, thanh toán,...	Phần mềm Quản lý kinh phí các đơn vị
IV.	Công tác khảo thí, bảo đảm chất lượng giáo dục	
	https://qlgd.huaf.edu.vn	Phân hệ Quản lý đánh giá học phần thuộc Phần mềm QLGD
V.	Công tác khoa nghệ công nghệ và HTQT, thư viện, tạp chí	
	http://qlkh.hueuni.edu.vn/	Hệ thống Quản lý đề tài khoa học Đại học Huế
	https://csdlkhoahoc.hueuni.edu.vn/	Cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ Đại học Huế
	https://qlgd.huaf.edu.vn	Các phân hệ thuộc phần mềm QLGD: Quản lý khối lượng công tác, Quản lý NCKH, Lý lịch khoa học, Phục vụ lãnh



		đạo.
	https://tapchi.huaf.edu.vn/	Hệ thống Quản lý tạp chí điện tử
	http://opac.huaf.edu.vn	Phần mềm Thư viện điện tử
	http://dlib.huaf.edu.vn	Phần mềm Thư viện số
VI.	Các nền tảng xã hội, truyền thông	
	https://www.facebook.com/truongdaihocnonglamhue	Fanpage Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
	https://www.facebook.com/groups/daihocnonglamhue	Group Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
	https://www.youtube.com/channel/UCLZPOGl5m2UEWMdDRE8cAZg	Kênh Youtube Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
	https://ads.google.com/	Hệ thống truyền thông thông qua nền tảng Google
	https://zalo.me/4169281030918476512	Kênh Zalo Official Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
	SMS Bandname: DHNL-HUE	Tên định danh cho hệ thống SMS

3. Mặt hạn chế

- Hệ thống hạ tầng CNTT chưa đồng bộ và lạc hậu, đa số đã được đầu tư từ 5-10 năm trước.

- Thiết bị, hạ tầng CNTT phục vụ truyền thông và năng lực của cán bộ phụ trách còn hạn chế, chưa bắt kịp được với xu hướng phát triển, thay đổi nhanh chóng trong lĩnh vực truyền thông mạng xã hội (Social Media).

- Chưa có hệ thống đào tạo trực tuyến đạt chuẩn và thiếu tính đồng bộ, liên thông với các phần mềm, phân hệ khác như: Quản lý giáo dục, Thư viện điện tử.....Nhiều chức năng của phần mềm quản lý giáo dục chưa được phát huy và sử dụng hiệu quả.

- Công tác truyền thông chỉ mới tập trung cho công tác tuyển sinh chưa chú trọng nhiều đến quảng bá một số lĩnh vực hoạt động khác của nhà trường như đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng giáo dục....

- Dịch vụ hành chính công trực tuyến đang ở cấp độ thấp từ 1-2. Việc số hóa các thông tin quản lý (văn bản, biểu mẫu...), số hóa quy trình nghiệp vụ quản lý và xây dựng CSDL dùng chung chưa đồng bộ giữa các lĩnh vực.

- Nguồn tài nguyên học liệu trong nước và quốc tế phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, xuất bản còn hạn chế.

- Hệ thống dạy học trực tuyến kết hợp với dạy trực tiếp hiệu quả (blended teaching and learning) đã có, nhưng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy và học tập trực tuyến.

- Việc ứng dụng CNTT, các nền tảng trực tuyến vào công tác quản lý nhân sự, quản lý hành chính, truyền thông, quảng bá thương hiệu, chuyển giao công nghệ chưa đi vào chuyên nghiệp và hiệu quả.

- Nguồn kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT còn hạn chế, chủ yếu dựa vào các dự án HTQT, chưa có kế hoạch đầu tư dài hạn Nhà trường.

- Tư tưởng ngại tiếp cận CNTT trong điều hành, quản lý và thực hiện công việc vẫn còn khá phổ biến.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tất cả các hoạt động của nhà trường với 03 trụ cột chính: (1) Chuyển số trong quản lý - điều hành. (2) Chuyển đổi số trong dạy – học; (3) Chuyển đổi số trong nghiên cứu khoa học; Và được tiến hành, triển khai theo 03 giai đoạn chính (1) Số hóa dữ liệu, (2) Số hóa quy trình và (3) Chuyển đổi số.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Nông Lâm có hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, đáp ứng cơ bản cho nhu cầu quản lý, điều hành, giảng dạy và học tập trực tuyến, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và thích ứng được với các thay đổi của xã hội, hướng tới nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường bằng công nghệ số;

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cấp, đầu tư đồng bộ được hệ thống mạng nội bộ, thiết bị CNTT của toàn trường đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của tất cả lĩnh vực.

- Xây dựng được dịch vụ hành chính công trực tuyến cho tất cả lĩnh vực cơ bản đạt được mức độ 2, một số lĩnh vực đạt được mức độ 3,4. Số hóa các thông tin quản lý (văn bản, biểu mẫu...), số hóa quy trình nghiệp vụ quản lý và xây dựng CSDL dùng chung.

- Mở rộng và khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên học liệu trong nước và quốc tế phục vụ nghiên cứu khoa học, xuất bản.

- Nâng cao được cơ sở dữ liệu trực tuyến về cán bộ, đào tạo, nghiên cứu khoa học và thư viện, và văn bản điều hành của Nhà trường.

- Xây dựng được hệ thống dạy học trực tuyến kết hợp với dạy trực tiếp hiệu quả (blended teaching and learning) theo hướng tích hợp, liên thông với các nền

tảng, hệ thống hiện có của nhà trường. Số hóa tài liệu và khai thác nguồn học liệu này trên môi trường mạng Internet.

- Xây dựng đội ngũ CNTT đủ năng lực nhằm đáp ứng yêu cầu về triển khai và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trên Nhà trường.

- Nâng cao hiệu quả việc ứng dụng CNTT, các nền tảng trực tuyến vào công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu, chuyển giao công nghệ

- Xây dựng được các quy định chặt chẽ về sử dụng và quản lý hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách và công tác tổ chức

- Có chính sách ưu tiên để đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin bằng vốn ngân sách của Nhà trường, nguồn vốn Nhà nước; tăng cường kêu gọi nguồn vốn xã hội hóa, các nhà tài trợ, các dự án hợp tác quốc tế để hỗ trợ nâng cấp, đầu tư hạ tầng và thiết bị CNTT của toàn Trường.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án Chuyển đổi số trường ĐHNL giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030.

- Ban hành quy định về các dịch vụ hành chính trực tuyến, hội đồng trực tuyến, giảng dạy trực tuyến, và các hoạt động trực tuyến khác.

- Xây dựng đầy đủ các hướng dẫn sử dụng dịch vụ trực tuyến, phần mềm, website, và các trang thiết bị công nghệ thông tin.

2. Giải pháp về cải cách thủ tục hành chính kết hợp với số hóa các dịch vụ hành chính

- Xây dựng các quy trình giải quyết công việc rõ ràng, tăng cường số hóa các quy trình giải quyết công việc trực tuyến để phục vụ viên chức, người lao động

- Xây dựng thêm các phần mềm ứng dụng để giải quyết các thủ tục hành chính trực tuyến và quản lý cơ sở dữ liệu đã được số hóa.

- Phân quyền quản lý rõ ràng các phân hệ, phần mềm quản lý đến các đơn vị.

- Tăng cường sử dụng chữ ký số cho tất cả các quy trình giải quyết công việc đã được ban hành để tiết kiệm thời gian, kinh phí, và bảo vệ môi trường.

3. Giải pháp về nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin

- Cử cán bộ CNTT của các đơn vị trong trường học các lớp bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về CNTT, nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn cho các cá nhân, đơn vị về việc quản lý và sử dụng CNTT trong quản lý, điều hành, giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học.

4. Giải pháp về tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

- Tăng cường vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong việc sử dụng CNTT để điều hành, quản lý, chỉ đạo công việc, thông qua đó, tạo môi trường và điều kiện để đội ngũ cán bộ viên chức và người học trong Nhà trường cùng tham gia sử dụng CNTT trong xử lý công việc.

- Tăng cường công tác truyền thông về dịch vụ trực tuyến, giới thiệu, phổ biến thông tin về các dịch vụ công trực tuyến do Nhà trường cung cấp để các tổ chức, cá nhân, sử dụng theo đúng quy định.

5. Các giải pháp khác

- Tăng cường, lồng ghép ứng dụng CNTT tin trong các chương trình học để nâng cao kiến thức, thái độ, kỹ năng cho người học trong việc ứng dụng CNTT cho học tập và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

- Thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp là nơi thực hành, thực tập của cơ sở đào tạo; sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm của doanh nghiệp để phục vụ thực hành nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, ứng dụng thực tiễn của sinh viên.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác đào tạo, áp dụng phương thức đào tạo trực tuyến, đào tạo kết hợp (blended learning) và đào tạo thực hành tại doanh nghiệp. Triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến dùng chung, xây dựng nguồn tài nguyên dùng chung (đặc biệt kho học liệu điện tử dùng chung).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

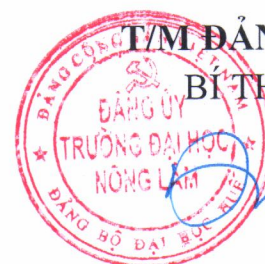
1. Các chi ủy, chi bộ, đơn vị, đoàn thể tổ chức việc tuyên truyền, quán triệt nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, viên chức, người lao động và người học; đồng thời xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết một cách cụ thể phù hợp với tình hình của đơn vị.

2. Bí Thư Đảng ủy và Ban chuyên môn Đảng ủy chủ trì hướng dẫn thực hiện Nghị quyết chuyên đề này. Ban Tuyên giáo Đảng ủy hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, quán triệt nghị quyết trong toàn Đảng bộ. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy, Ban chấp hành Đảng bộ về kết quả thực hiện nghị quyết.

3. Đảng ủy trường chỉ đạo các tổ chức, cá nhân trong toàn Đảng bộ nghiêm túc thực hiện nghị quyết này.

Nơi nhận: 

- Đảng ủy ĐHH (để bc),
- Các đ/c Đảng ủy viên Trường ĐHNL,
- Hội đồng trường,
- Các chi bộ trực thuộc,
- Tổ chức Đoàn thể,
- Lưu VP Đảng ủy.



T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ

Trần Thanh Đức